

Bản án số: 51/2018/HS-PT

Ngày: 16-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 15, 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 160/2017/HSPT ngày 11/10/2017 đối với bị cáo Phạm Xuân T do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3 với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân T, sinh năm 1962; Tên gọi khác: Không; Sinh, trú quán: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh TB; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Phạm Văn T1 (đã chết) và con bà: Trần Thị B (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970; Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 17/9/2016 đến ngày 26/9/2016 đ- ọc tại ngoại. Hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Trần Tuấn Anh và ông Nguyễn Thanh Tùng – Luật sư, Công ty luật hợp danh Minh Bạch - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, địa chỉ: Phòng 703, tầng 7, số 272, Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (ông Anh có mặt, ông Tùng vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại có kháng cáo:

Anh Dương Đức T3, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Dương Đức T3:

Ông Vũ Hoài Ưu, Luật sư, văn phòng luật sư Hải Ưu – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 01, phố Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Ng-ời đại diện hợp pháp của người bị hại có L quan đến kháng cáo:

1. Bà Tăng Thị Đ, sinh năm 1942 (Vắng mặt nhưng có ủy quyền cho anh Dương Đức T3 tham dự phiên tòa).

2. Chị Dương Thị M, sinh năm 1983 (có mặt).

3. Anh Dương Xuân P, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 19, xã T huyện L, tỉnh B.

4. Chị Dương Thị V, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 308, phố B, thị trấn Đ, L, tỉnh B.

5. Chị Dương Thị B, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số 136, phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh B.

6. Chị Dương Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

Tại phiên tòa chị Dương Thị H khai nơi ĐKHKTT: 1502 HH2C LĐ, H, quận HM, thành phố H.

- Bị đơn dân sự có L quan đến kháng cáo:

Công ty cổ phần kinh doanh vận tải TA, địa chỉ: Số 2L, phường D, quận L, thành phố H do ông Lý Ngọc A sinh năm 1983 - Giám đốc đại diện (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có L quan đến kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970, Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh TB (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác:

- Ông Trần Văn D, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và bản án của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, nội dung vụ án như sau:

Phạm Xuân T, sinh năm 1962 trú tại Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh TB là nhân viên lái xe của Công ty Cổ phần kinh doanh vận tải TA do anh Lý Ngọc A, sinh năm 1983 trú tại số 2L D, phường DH, quận L, thành phố H làm giám đốc. Ngày 17/9/2016, Phạm Xuân T được Công ty giao nhiệm vụ lái xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 15C-113.32 kéo rơ moóc biển kiểm soát 15R-113.08 chở container từ cảng HP đến xí nghiệp may LN, địa chỉ tại thị trấn LN, huyện L, tỉnh B để chở hàng may mặc về cảng HP..

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/9/2016, sau khi nhận hàng từ xí nghiệp may LN, T một mình điều khiển chiếc ô tô đầu kéo biển kiểm soát 15C-113.32 kéo rơ moóc biển kiểm soát 15R-113.08 về cảng HP theo đường Quốc lộ 31 đến ngã tư

thân rẽ phải rồi theo đường Quốc lộ 37 hướng từ ngã ba Chằm đi xã Cẩm Lý. Lúc này, trời sẩm tối không mưa, xe ô tô đầu kéo đã bật đèn chiếu xa, quan sát thấy có nhiều xe đi phía trước và phần đường bên trái không có xe đi nên T điều khiển xe ô tô đầu kéo đi sang phần đường bên trái (theo hướng đi) với tốc độ khoảng 50km/h. Khi T điều khiển xe đi đến đoạn đường thuộc Km 27+400 thuộc địa phận thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B thì phát hiện phía trước cách đầu xe ô tô khoảng 7-8m có 01 xe đạp điện do ông Dương Văn L, sinh năm 1942 trú tại thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B điều khiển cùng chiều, không bật đèn, xi nhan đang chuyển hướng rẽ trái sang đường theo hướng đi. Lúc này, T đạp phanh và đánh lái sang bên trái để tránh xe đạp điện nhưng không kịp nên xe đạp điện do ông L điều khiển đã va chạm vào thành xe bên phải từ vị trí chắn bùn trục bánh xe số 01 bên phải, bật lên xuống bên phải đến mặt ngoài má lốp trục bánh số 02 bên phải của xe ô tô đầu kéo 15C-113.32, rơ moóc 15R-113.08 tại phần đường bên trái theo hướng đi làm xe đạp điện do ông L điều khiển đổ văng và rê về phía trước chệch sang bên phải theo hướng đi, còn ông L bị ngã và bị hàng bánh thứ 02 bên phải của đầu kéo biển kiểm soát 15C-113.32 đẩy rê trên mặt đường đến khi xe ô tô dừng lại hẳn. Ngay khi tai nạn xảy ra, anh Tống Kim G, sinh năm 1965 trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B đi ngay sát phía sau chứng kiến đã yêu cầu T lùi xe lại để đưa ông L ra ngoài. Sau đó, ông L được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện L để cấp cứu nhưng do vết thương nặng nên ông L đã tử vong.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tại hiện trường phát hiện và thu giữ 01 xe đạp điện số khung 653621012003369 và 01 xe ô tô đầu kéo biển số 15C-113.32 kéo rơ moóc biển số 15R-113.08.

Cùng ngày, Phạm Xuân T đã đến Công an huyện L đầu thú khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân.

Kết quả khám nghiệm hiện trường; khám nghiệm tử thi; khám nghiệm ph-ong tiện giao thông liên quan đến vụ tai nạn giao thông nh- sau:

* Khám nghiệm hiện trường:

Khám nghiệm hiện trường được tiến hành theo hướng từ thị trấn Đ đi xã C

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường thuộc Km27+400 đường Quốc lộ 37 thuộc địa phận thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B. Mặt đường bê tông- xi măng rộng 11m, lề đường bên trái rộng 1,5m, lề đường phải rộng 1,2m. Hai bên đường là khu dân cư, đường công đi vào nhà ông Dương Văn L, sinh năm 1942, tiếp giáp đường Quốc lộ 37 tại vị trí tai nạn giao thông rộng 3,4m. Mặt đường Quốc lộ 37 phẳng, thẳng và không có biển báo hiệu giao thông, không có đèn đường chiếu sáng.

Tại mặt đường và lề đường bên trái phát hiện vết mài trượt, bám dính màng chất màu đen ghi cao su, dạng vết phanh kép kích thước (27,4 x 0,5)m, ký hiệu là (P). Vết (P) có hướng từ Thị trấn Đ - C. Điểm đầu vết (P) cách mép đường trái là

3,63m; điểm cuối vết (P) tại vị trí tiếp giáp giữa bánh xe bên trái tại trục bánh số 02 tính từ đầu xe đến đuôi xe với lề đường trái.

Tại hiện trường phát hiện xe ô tô đầu kéo biển số 15C-113.32 kéo rơ moóc chở Container màu sơn xanh, biển số 15R-113.08 đỗ tại mặt đường, lề đường trái. Bánh ngoài bên trái của trục số 01, số 03, số 05 tính từ đầu xe đến đuôi xe lần lượt cách mép đường trái là 00cm, 40cm và 40cm.

Tại mặt đường nơi tiếp giáp giữa hàng bánh bên phải trục số 02, số 03 của xe ô tô đầu kéo 15C-113.32 kéo rơ moóc biển số 15R-113.08 với mặt đường phát hiện vết mài trượt mặt đường ký hiệu (X1) kích thước (2,1 x 0,7)m, vết (X1) là vết mài trượt mặt đường có bám dính nhiều sợi bông vải màu xanh - trắng hướng từ Thị trấn Đồi Ngô - Cẩm Lý. Điểm đầu vết (X1) cách mép đường trái là 1,96m, điểm cuối (X1) cách mép đường trái là 2,07m và cách vị trí tiếp giáp bánh bên phải trục số 02 của đầu kéo 15C-113.32 với mặt đường là 60cm.

Tại mặt đường phát hiện vết cày xước mặt đường ký hiệu (X2) kích thước (2,4 x 0,4)m, vết (X2) là vết cày xước mặt đường dạng chòm, hướng từ Thị trấn Đồi Ngô - Cẩm Lý. Điểm đầu vết (X2) cách điểm đầu vết (P) là 25,1m và cách mép đường trái là 2,1m. Điểm cuối (X2) tại vị trí tiếp giáp bàn đạp bên trái của xe đạp điện số khung 653621012003369 với mặt đường, cách mép đường trái là 2,5m.

Tại mặt đường phát hiện xe đạp điện số khung 653621012003369 nằm đổ nghiêng trái, đầu xe hướng đi Cẩm Lý và chệch lề đường phải; đuôi xe hướng Thị trấn Đồi Ngô và chệch lề đường trái. Trục trước xe cách mép đường trái 3,3m; trục sau xe đạp điện cách mép đường trái 2,3m và cách trục bên phải trục bánh số 03 tính từ đầu xe ô tô đầu kéo 15C-113.32 là 70cm.

Khoảng cách từ điểm đầu dấu vết cày xước (X2) đến điểm giữa nơi tiếp giáp giữa đường Quốc lộ 37 với đường vào nhà ông Dương Văn L, sinh năm 1942 ở bên trái đường là 2,1m.

Ngoài ra tại mặt đường còn phát hiện có 01 đôi dép nhựa màu đen.

Chọn “vật chuẩn” là cột điện số 2.13.III/MC bên trái đường. Khoảng cách từ trục sau bên trái trục số 05 (trục cuối cùng) xe ô tô đầu kéo 15C-113.32 kéo rơ moóc 15R-113.08 chở Container đến “vật chuẩn” là 11,28m.

* Khám nghiệm xe ô tô đầu kéo biển kiểm số 15C-113.32 kéo rơ moóc biển số 15R-113.08:

Mặt ngoài chắn bùn sau bánh trước bên phải ở vị trí cách mặt đất 107cm phát hiện vết mất bụi cả xước sơn L tục hướng từ trước về sau kích thước (15 x 0,15)cm.

Tại mặt ngoài bên phải bình dầu bên phải ở vị trí cách mặt đất 82cm, phát hiện vết cả xước kim loại chiều hướng không xác định, dạng hình cung, kích thước (8 x 1,5)cm. Vết cả xước cách đầu phía trước bình dầu bên phải là 64cm.

Tại mặt ngoài bên phải bình dầu bên phải ở vị trí cách mặt đất 65cm phát hiện vết mất bụi, cả xước kim loại, bám dính màng chất màu đen nghi cao su,

màng chất màu trắng nghi sơn, chiều hướng từ trước về sau, từ trên xuống dưới, kích thước (33 x 45)cm, vết cách điểm cuối bình dầu phải là 8cm.

Mặt ngoài phía bên phải chắn bùn trước trục bánh số 02 bên phải ở vị trí cách mặt đất 61cm phát hiện vết mất bụi chiều hướng không xác định, kích thước (37 x 7)cm.

Tại mặt ngoài bên phải má lốp ngoài trục số 02 bên phải phát hiện 02 vết mất bụi, cà xước cao su, chiều hướng ngược kim đồng hồ. Vết 01 có kích thước (35 x 10)cm, tâm vết tại chữ “D” trong hàng chữ BRIDGESTONE. Vết 02 có kích thước (21 x 3)cm, tâm vết 02 cách tâm vết 01 là 66cm.

Tại mặt ngoài vành bánh ngoài bên phải trục số 02 phát hiện vết cà xước kim loại bong sơn, bám dính chất màu đen nghi cao su, kích thước (98 x 1,5)cm, có chiều hướng ngược chiều kim đồng hồ. Điểm đầu vết cà xước cách chân van là 37cm.

* Khám nghiệm xe đạp điện màu sơn trắng đen số khung 653621012003369:

Lồng xe bị bẹp méo biến dạng, mặt ngoài phía tr-ớc bên phải có vết cà x-ớc kim loại, bong sơn có chiều h-ớng từ tr-ớc về sau, từ phải qua trái trên diện (60x21)cm.

Mặt ngoài phía tr-ớc tay phanh bên trái phát hiện vết cà x-ớc kim loại, bong sơn bám dính màng chất màu đen nghi nhựa đ-ờng, kích th-ớc (16x0,5)cm.

Mặt ngoài đầu tay nắm bên trái ở vị trí cách mặt đất 112cm phát hiện vết tr-ợt x-ớc cao su bám dính màng chất màu trắng nghi sơn kích th-ớc (3x0,4)cm.

Phần nhựa gắn công tắc còi, đèn xe bị gãy dập dài 03cm.

Tại mặt sau ghi đồng bên trái ở vị trí cách đầu tay nắm bên trái 10,5cm phát hiện vết cà x-ớc kim loại, bong sơn bám dính chất màu trắng nghi sơn kích th-ớc (8x1,2)cm.

Tại mặt sau càng xe phía tr-ớc bên trái ở vị trí cách mặt đất 45cm phát hiện vết cà x-ớc lõm kim loại kích th-ớc (2,5x1,5)cm.

Đầu ngoài bàn đạp bên trái phát hiện vết cà x-ớc cao su, chiều h-ớng không xác định có kích th-ớc (2,8x6,8)cm.

Tại mặt ngoài phía sau góc bên trái yên xe có vết mài sát nhựa dạng song song chiều h-ớng không xác định, kích th-ớc (8x9)cm.

Tại mặt ngoài thanh kim loại giá đèo hàng phía sau có nhiều vết mài sát, cà x-ớc kim loại bong sơn bám dính màng chất màu đen nghi cao su:

Vết 1: Tại góc phía tr-ớc bên trái kích th-ớc (4,5x1)cm, cách mặt đất 65cm.

Vết 2: ở góc phía sau bên trái giá đèo hàng kích th-ớc (13x2)cm.

Miếng nhựa phía sau giá đèo hàng bị gãy vỡ nhựa góc bên trái, còn lại kích th-ớc (11x6)cm.

Mặt ngoài bên trái góc chân chống phía sau bên trái có vết cà x-ớc kim loại chiều h-ớng không xác định, kích th-ớc (4x0,7)cm.

Xe có 01 đèn pha phía tr-ớc khi bật khóa điện đèn sáng; 01 miếng nhựa màu

đỏ gắn ở mặt ngoài chắn bùn phía sau. Vành bánh xe phía tr-ớc và sau có gắn 01 miếng nhựa phản quang màu trắng (mỗi vành có 01 miếng), bàn đạp có gắn nhựa phản quang màu vàng phía ngoài.

Phía sau yên xe bị lệch từ trái sang phải.

Ngày 18/9/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam ra quyết định tr-ng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang giám định cơ chế hình thành dấu vết; vị trí xảy ra va chạm, phần đ-ờng xảy ra va chạm; tốc độ của xe ô tô đầu kéo biển số 15R-113.32 kéo rơ moóc biển số 15C-113.08 và xe đạp điện màu sơn trắng đen số khung 653621012003369 khi xảy ra va chạm. Tại bản kết luận giám định số 1210/KL-PC54 ngày 17/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“1. Các dấu vết tr-ợt x-óc sơn, kim loại, sạch bụi đất, h-óng từ tr-ớc ra sau ở chắn bùn trực bánh số 1 bên phải, bậc lên xuống bên phải của xe ô tô đầu kéo 15C-113.32, rơ moóc 15R-113.08 đ-ợc hình thành do va chạm với vị trí các dấu vết hằn lõm, tr-ợt x-óc kim loại, h-óng từ sau ra tr-ớc ở tay phanh bên trái, giảm sóc tr-ớc bên trái của xe đạp điện T nên là phù hợp.

Dấu vết mài sát cao su, sạch bụi đất, h-óng ng-ợc chiều kim đồng hồ, T thành các đ-ờng song song, dạng sợi vải, tại vị trí chữ “D”, trong hàng chữ BRIDGES TONE ở mặt ngoài má lớp trực bánh số 2 bên phải của xe ô tô đầu kéo 15C-113.32, rơ moóc 15R-113.08 đ-ợc hình thành do va chạm với vật mang bề mặt là vải sợi (nh- cơ thể ng-ời) T nên.

2. Xe ô tô đầu kéo 15C-113.32, rơ moóc 15R-113.08 và xe đạp điện va chạm với nhau trên mặt đ-ờng ở phía tr-ớc điểm đầu dấu vết cày x-óc mặt đ-ờng ký hiệu X2, thuộc phần đ-ờng bên trái theo h-óng Đồi Ngô - Cẩm Lý.

3. Không đủ cơ sở để xác định tốc độ của các ph-ơng tiện khi xảy ra va chạm”.

* Khám nghiệm tử thi:

Tử thi nam giới được xác định là Dương Văn L, sinh năm 1942, trú tại thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B. Thể tạng phát triển bình thường, chiều dài đỉnh gót 1,58m.

Vùng đầu: Tóc trắng cắt trung bình

Hai lỗ tai, hai lỗ mũi khô

Hai mắt khép, đồng tử hai bên giãn to

Miệng ngậm lưỡi trong cung răng, trong miệng có ít dịch đục

Tím toàn bộ vùng mặt và vùng cổ

Mặt ngoài và sau vai trái có diện xây sát da dạng mài, kích thước (16x9)cm.

Mặt ngoài khủ tay trái và 1/3 trên cẳng tay trái có diện xây sát da dạng mài, kích thước (9x9)cm.

Mặt sau khủ tay trái có diện xây sát da dạng mài, kích thước (4x3)cm.

Vùng hạ sườn trái, mạng sườn trái, hố chậu trái có diện xây sát da dạng mài,

kích thước (32x20)cm.

Vùng lưng trái có diện xây sát da kích thước (15 x 10)cm.

Mặt sau, ngoài 1/3 trên cẳng chân trái có diện xây sát da bầm tím kích thước (4 x 1,5)cm.

Mặt trước 1/3 trên đùi trái có nhiều vết xây sát da trên diện kích thước (10 x 9)cm.

Mặt trước gối trái có nhiều vết xây sát da trên diện (7,5 x 4)cm.

Sờ nắn thấy gãy cung trước xương sườn 7,8,9,10 bên trái, trích hút bằng kim tiêm thấy khoang ngực trái và trong ổ bụng có nhiều dịch màu đỏ, không đông (số lượng nhiều).

Không mổ tử thi, gia đình ông D- ơng Văn L có đơn xin miễn giải phẫu tử thi.

Tại bản giám định pháp y số 1138/KL-PC54 ngày 03/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “*Nguyên nhân chết của D- ơng Văn Liên: Suy hô hấp trên ng- ời có chấn th- ơng ngực kín, chấn th- ơng bụng kín*”.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 24/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: 01 chiếc xe đạp điện trong vụ tai nạn giao thông bị hỏng một số bộ phận có giá như sau: Gãy nhựa công tắc điện có giá 80.000 đồng; gãy nhựa phía sau giá đèn hàng có giá 70.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 150.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Xuân T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra gồm: 01 giấy phép lái xe hạng FC số 340110343957 và 01 chứng minh th- nhân dân số 034062001897 mang tên Phạm Xuân Tạo; 01 bản sao đăng ký ô tô 15C-113.32; 01 đăng ký rơ moóc 15R-113.08; 01 giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và bảo vệ môi tr- ờng số KA:5176297; 01 giấy chứng nhận kiểm định ATKTKT và bảo vệ môi tr- ờng số KC 0040646; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 002299114.

Ngày 15/11/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô đầu kéo biển số 15C-113.32 kéo rơ moóc biển số 15R-113.08 cùng toàn bộ các giấy tờ liên quan cho anh Lý Ngọc A là ng- ời đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần kinh doanh vận tải TA.

Đối với 01 chiếc xe đạp điện màu sơn trắng đen số khung 653621012003369, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của ông Tăng Văn L, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe đạp trên cho những ng- ời đại diện hợp pháp của ông L nh- ng do do gia đình bị hại ch- a cử ng- ời đại diện đến nhận nên hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng của Công an huyện L.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Phạm Xuân T đã đến thăm hỏi gia đình bị hại, nh- ng do gia đình bị hại và T ch- a thống nhất đ- ọc khoản tiền bồi th- ờng, gia đình bị hại ch- a cử ra ng- ời đại diện để tham gia tố tụng, gia đình bị

hại yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2016, Phạm Xuân T đã tự nguyện giao nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn) để khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, xử phạt:

Phạm Xuân T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện T, tỉnh TB giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 608; 610 Bộ luật dân sự 2005.

Buộc bị cáo Phạm Xuân T bồi thường cho gia đình bị hại do bà Tăng Thị Đ, anh Dương Đức T3, chị Dương Thị M, anh Dương Xuân P, chị Dương Thị H, chị Dương Thị V, chị Dương Thị B đại diện cho bị hại số tiền là: 129.150.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 100.000.000 đồng, còn lại phải bồi thường tiếp số tiền là 29.150.000 đồng.

* Về vật chứng: áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Phạm Xuân T 01 giấy phép lái xe hạng FC số 340110343957 và 01 chứng minh thư nhân dân số 034062001897 đều mang tên Phạm Xuân Tạo.

2/ Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Phạm Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.457.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7^a,7^b và điều 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 29/8/2017 người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3 nộp đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án số 60/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án. Kháng cáo tăng mức hình phạt, tăng mức bồi thường, cấp dưỡng nuôi bà Tăng Thị Đ, bác bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Anh Dương Đức T3 giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án số 60/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

Yêu cầu tăng mức hình phạt vì bị cáo cố ý đâm vào bố anh, phải bị truy tố ở khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Yêu cầu tăng mức bồi thường: Bộ luật dân sự năm 2015 quy định bồi thường về tổn thất tinh thần tối đa là 100 tháng lương cơ bản.

Bố mẹ anh ở với nhau, bố anh có lương, bố anh mất đi nên yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng cho mẹ anh 1 lần số tiền 350 triệu đồng tương ứng với 15 năm.

Bác bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, xử phạt:

Phạm Xuân T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện T, tỉnh TB giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 608; 610 Bộ luật dân sự 2005

Buộc bị cáo Phạm Xuân T bồi thường cho gia đình bị hại do bà Tăng Thị Đ, anh Dương Đức T3, chị Dương Thị M, anh Dương Xuân P, chị Dương Thị H, chị Dương Thị V, chị Dương Thị B đại diện cho bị hại số tiền là: 129.150.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 100.000.000 đồng, còn lại phải bồi thường tiếp số tiền là 29.150.000 đồng.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Phạm Xuân T 01 giấy phép lái xe hạng FC số 340110343957 và 01 chứng minh thư nhân dân số 034062001897 đều mang tên Phạm Xuân T.

*□n phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Phạm Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.457.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Luật sư Trần Tuấn Anh phát biểu lời bào chữa cho bị cáo T: Đồng ý hoàn toàn với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo T: Đồng ý với quan điểm của luật sư Trần Tuấn Anh và không có ý kiến tranh luận gì.

- Anh T3: Không đồng ý với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Gia đình anh chưa nhận được tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo, gia đình bị cáo có đến đặt vấn đề bồi thường nhưng mặc cả là nếu làm đơn xin cho bị cáo. Xe đạp điện của bố anh cũng không bắt buộc phải có xi nhan xin đường, bị cáo khai cách bố anh 7 m là không đúng, khi đó trời chưa tối hẳn. Công ty giao xe cho bị cáo không đủ điều kiện tham gia giao thông. Xe ô tô có định vị hành trình nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ định vị này, 01 lớp xe của xe bị thùng, không kiểm tra nồng độ cồn hay chất kích thích trong người bị cáo, phải chăng có điều gì khuất tất. Trên xe có 2 người chứ không phải một người, người lái xe gầy. Việc trả xe cho Công ty vận tải TA là có vấn đề khuất tất, xe chở gì, trọng tải bao nhiêu, lái xe tắc trách khi chở hàng không biết trọng tải là bao nhiêu. Tốc độ xe chạy là bao nhiêu km/h, lại chỉ để vết phanh một bên.

- Luật sư Ưu bổ sung quan điểm tranh luận của anh T3: Đồng ý với quan điểm tranh luận của anh T3: Cơ quan điều tra không thử nồng độ cồn, chất kích thích trong người của lái xe T. Lớp xe bị thùng, sẽ giám định được với tình trạng lớp này có đủ điều kiện an toàn giao thông hay không. Cơ quan điều tra chưa làm rõ các ảnh chụp lớp xe thùng này chụp bằng phương tiện gì, thu thập hợp pháp hay không. Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trong việc điều tra thu thập chứng cứ, xử lý vật chứng. Chấp nhận cho bị cáo khai báo thành khẩn là không có căn cứ. Các vấn đề này tại phiên tòa phúc thẩm không làm rõ được, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Kiểm sát viên đối đáp: Không tranh luận các ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử. Các ý kiến tranh luận của anh T3, luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh T3 là không

có căn cứ. Ý thức chủ quan của bị cáo nộp 100 triệu đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là để bồi thường cho đại diện người bị hại.

- Luật sư Ưu tranh luận: Không kiểm tra nồng độ cồn trong người lái xe T, không kiểm tra hệ thống chuyển hướng, thiết bị phanh, lốp xe bị nổ có ảnh hưởng đến vấn đề an toàn giao thông không, đặc biệt là khi phanh.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Không tranh luận gì.

- Anh T3: Không thể lấy sổ khám sức khỏe để thay thế cho sự kiểm tra nồng độ cồn, chất kích thích.

- Kiểm sát viên: Không đối đáp gì.

- Bị cáo T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Dương Đức T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

[3] Xét kháng cáo của anh Dương Đức T3 thấy:

*Về tội danh: HĐXX thấy: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 17/9/2016, tại đoạn đường thuộc Km 27 + 400 - QL37 thuộc địa phận thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B, Phạm Xuân T, sinh năm 1962, trú tại Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh TB là ng- ời đã có giấy phép lái xe hạng FC do Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Bình cấp ngày 10/7/2011 điều khiển xe ô tô ô đầu kéo biển số 15C-113.32 kéo rơ moóc biển số 15R-113.08, do không đi đúng phần đường được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ đã va chạm với ông Dương Văn L, sinh năm 1942 trú tại thôn 19, xã T, huyện L, tỉnh B dẫn đến ông L tử vong. Hành vi của bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển ph- ơng tiện giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt đ- ợc quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Xuân T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*Về hình phạt: Đánh giá các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy:

- + Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- + Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm

tội bị cáo đã ra đầu thú. Ngày 15/11/2016 bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100 triệu đồng tại Chi cục thi hành án huyện L để bồi th- ờng cho gia đình bị hại. Hiện gia đình bị cáo trực tiếp thờ cúng liệt sỹ Phạm Văn V là anh ruột của bị cáo. Do vậy cần áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự . Do vậy bản án sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã tuyên phạt bị cáo Phạm Xuân T 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ. Do vậy kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của anh Dương Đức T3 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

*Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử thấy cần phải buộc bị cáo bồi th- ờng cho bị hại do bà Tăng Thị Đ, anh Dương Đức T3, chị Dương Thị M, anh Dương Xuân P, chị Dương Thị H, chị Dương Thị V, chị Dương Thị B đại diện cho bị hại các khoản sau:

- + Tiền chi phí trực tiếp cho mai táng: 50.000.000 đồng.
- + Tiền thuê xe đưa đón bị hại: 1.000.000 đồng và tiền tài sản của bị hại bị hư hỏng do bị cáo T gây ra là 150.000 đồng.
- + Tiền tổn thất tinh thần của gia đình bị hại: 60 tháng x 1.300.000 đồng = 78.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là: 129.150.000 đồng. Ngày 15/11/2016 bị cáo đã nộp được số tiền là 100.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam để bồi thường cho gia đình người bị hại. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 29.150.000 đồng.

Như vậy, bản án sơ thẩm sau khi đánh giá đã quyết định buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp cho người bị hại số tiền 129.150.000 đồng, bị cáo đã nộp tiền để bồi th- ờng đ- ợc 100.000.000đồng, còn lại phải bồi th- ờng tiếp số tiền là 29.150.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 608 và 610 của Bộ luật dân sự năm 2005 là không đúng cần rút kinh nghiệm.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3 kháng cáo và yêu cầu phải tăng mức bồi thường tổn thất về tinh thần là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần cho những người đại diện hợp pháp cho người bị hại với mức 60 tháng lương cơ sở là thỏa đáng và đã phù hợp với quy định của các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo của anh Dương Đức T3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí phụng dưỡng phần đời còn lại của mẹ anh là bà Tăng Thị Đ một lần

số tiền 350 triệu đồng tương ứng với 15 năm. Hội đồng xét xử thấy đây là phần quyền lợi trực tiếp của bà Tăng Thị Đ, bà Đ có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm bà Đ không kháng cáo, không có giấy ủy quyền cho anh Dương Đức T3 trong việc kháng cáo phần quyền lợi liên quan đến bà nên anh Dương Đức T3 không có quyền kháng cáo với nội dung này. Mặt khác ông Dương Văn L khi còn sống trước khi chết không có nghĩa vụ phải nuôi bà Tăng Thị Đ, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của anh T3.

Những căn cứ yêu cầu do anh T3 và luật sư Vũ Hoài Ưu đưa ra để đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Lốp xe bị thủng, lốp xe mòn không là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của ông L.

*Về án phí: Cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.457.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3, cần bác kháng cáo của anh T3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo và anh Dương Đức T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển ph-ong tiện giao thông đường bộ”.

□p dụng khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: Phạm Xuân T 18 (m-ời tám) tháng tù cho h-ởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh TB giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Xuân T bồi th-ờng cho gia đình bị hại do bà Tăng Thị Đ, anh Dương Đức T3, chị Dương Thị M, anh Dương Xuân P, chị Dương Thị H, chị Dương Thị V, chị Dương Thị B đại diện cho bị hại số tiền là: 129.150.000đ (một

trăm hai m-oi chín triệu một trăm năm m-oi nghìn đồng). Bị cáo đã nộp để bồi thường đ-ợc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ở Biên lai thu tiền số AA/2010/005228 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh B, số tiền bồi th-ờng còn lại phải bồi th-ờng tiếp là 29.150.000 đ (hai m-oi chín triệu một trăm năm m-oi nghìn đồng).

Gia đình bị hại do bà Tăng Thị Đ, anh Dương Đức T3, chị Dương Thị M, anh Dương Xuân P, chị Dương Thị H, chị Dương Thị V, chị Dương Thị B đại diện được nhận số tiền bồi th-ờng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2010/005228 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Phạm Xuân T 01 giấy phép lái xe hạng FC số 340110343957 và 01 chứng minh th- nhân dân số 034062001897 đều mang tên Phạm Xuân T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Bị cáo Phạm Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.457.500 đồng.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: bị cáo Phạm Xuân T và người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Dương Đức T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Công an, VKSND, Tòa án huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

